TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh, bà Mùng Thị Xanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng V V, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có mặt

Bị đơn: Chị Hoàng T T, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vàng V V trình bày:

Anh và chị Hoàng T T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/8/2011, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do năm 2017 thì chị T thường chơi bời, cặp kè với người khác, còn đưa người đàn ông khác vào nhà ngủ trong khi anh V không có nhà, bỏ bê con cái, không chăm lo cho gia đình, thậm chí chị T còn vay tiền để đưa cho người đàn ông khác. Năm 2019 vào ngày 01 tết âm lịch thì chị T bỏ đi theo người đàn ông khác, khi đó còn đưa theo cả con trai đầu, anh V và gia đình đã tìm và gọi điện nhưng chị cũng không về. Anh V và chị T sống ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm ai, chị T còn

chặn hết số điện thoại của anh V, chỉ liên lạc với con. Anh V không còn tình cảm với chị T nữa nên anh quyết định ly hôn với chị T. Anh V đã nhiều lần gọi điện thông báo cho chị T biết để chị T về giải quyết ly hôn, tuy nhiên chị T nói sẽ không về và còn chửi bới anh V.

Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung, tên là Vàng V K, sinh ngày 18/01/2007; cháu Vàng T H, sinh ngày 22/5/2011. Sau khi ly hôn anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn, ngoài ra Tòa án cũng liên lạc với bị đơn qua số điện thoại của bị đơn, nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã B, Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản xác định: Vợ chồng anh V và chị T chung sống với nhau thừ năm 2005, nhưng đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/8/2011. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh V và chị T sinh sống tại bản A, trong thời gian sống với nhau thì anh V và chị Tthường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, bản cũng đã hòa giải cho anh chị tuy nhiên không có kết quả, theo như xác minh thì lý do mâu thuẫn giữa anh chị là do chị T đi làm còn anh V ở nhà nên hai bên sảy ra mâu thuẫn với nhau. Hiện tại chị T đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, chị T cũng không khai báo tạm vắng tại địa phương, chị T vẫn liên lạc về với gia đình, thỉnh thoảng chị T vẫn về thăm nhà và các con.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Vàng V K và Vàng T H. Nguyện vọng của cháu K sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố, còn cháu H có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vàng V V, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng V V được ly hôn với chị Hoàng T T. Về con chung: giao cháu Vàng V K và Vàng T H cho anh Vàng V V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Vàng V V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Hoàng T T. Tại thời điểm anh V gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh V không xác định nơi ở của chị T ở đâu do chị T cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết địa chỉ cụ thể của chị ở đâu. Anh V chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị T là ở bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T cũng vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình, thường xuyên gửi đồ về cho các con, thỉnh thoảng có về lại địa phương để thăm gia đình. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không quan tâm đến nhau, chị T không quan tâm đến con cái. Anh V và chị T ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Anh V và chị T cũng được hòa giải tại bản, tuy nhiên không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng giữa anh V với chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V, giải quyết cho anh Vàng V V được ly hôn với chị Hoàng T T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh V và chị T có 02 con chung, tên là Vàng V K, sinh ngày 18/01/2007; cháu Vàng T H, sinh ngày 22/5/2011 hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh V. Sau khi ly hôn anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ý kiến cháu K muốn được ở cùng bố, còn cháu H muốn được ở cùng mẹ sau khi bố và mẹ ly hôn. Tuy nhiên hiện tại chị T không thường xuyên ở nhà, không có điều kiện thường xuyên quan tâm, chăm sóc con chung, nên xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K và cháu H cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Anh V và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật do anh là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng V V được ly hôn với chị Hoàng T T.

Về con chung: Giao cháu Vàng V Ksinh ngày 18/01/2007 và Vàng T H, sinh ngày 22/5/2011 cho anh Vàng V V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vkhông có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh Vàng V V và chị Hoàng T T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vàng V V được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá